|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 36: ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức về đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch (định nghĩa và tính chất)**

**2. Kỹ năng: Củng cố kỹ năng giải toán về hai đại lượng tỉ lệ (thuận và nghịch) để giải một số bài toán thực tiễn**

**3. Thái độ:** Nghiêm túc, cẩn thận

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 4 phút)**  ***Mục tiêu:*** Nhớ lại các kiến thức đã học trong chương II – Đại số  ***Phương pháp:*** Hoạt động cá nhân | | |
| - Yêu cầu HS nhớ lại các kiến thức đã học trong chương  - Giới thiệu phân bổ nội dung ôn tập trong 2 tiết ôn tập chương | - HS nhắc lại các mục kiến thức đã học trong chương | Chương II: Hàm số và đồ thị hàm số gồm 2 phần  - Đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch (đ/n và t/c)  - Hàm số và đồ thị hàm số |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức (10 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh hệ thống hóa kiến thức đã học theo trình tự, khoa học dễ nhỡ  ***Phương pháp:*** Hoạt động cá nhân | | |
| - Hướng dẫn HS lập bảng tổng kết kiến thức gồm định nghĩa và tính chất  - Yêu cầu HS trả lời miệng các câu hỏi 1; 2; 3 phần câu hỏi ôn tập chương II | - Hs hoạt động nhóm đôi trao đổi thảo luận và hoạt động cá nhân bảng hệ thống kiến thức vào vở, 1 nhóm lên bảng trình bày  - 1 HS trả lời, các HS khác đối chiếu với kết quả bài tập đã chuẩn bị ở nhà | I. Kiến thức cần nhớ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ĐL tỉ lệ thuân | ĐL tỉ lệ nghịch | | Định nghĩa |  |  | | Tính chất |  |  |   1. a) Ví dụ: ;  b) Ví dụ: ;  2. Đại lượng tỉ lệ thuận vì  3. Đại lượng tỉ lệ nghịch vì |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 25 phút)**  Mục đích: Rèn kỹ năng giải toán liên quan đến bài toán đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ lệ nghịch  Phương pháp: Hoạt động cá nhân, Hoạt động nhóm | | |
| - Yêu cầu HS làm bài tập 48/sgk  Gợi ý đặt ẩn và tìm mối quan hệ giữa các đại lượng.  - Yêu cầu HS làm bài tập 49/sgk  Gợi ý: xác định các đại lượng và mối quan hệ giữa các đại lượng  - Yêu cầu HS làm bài tập thêm luyện tập về toán chia tỉ lệ.  Gợi ý: sử dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau | - HS hoạt động nhóm trong 5 phút và trình bày lời giải vào bảng phụ, 2 nhóm treo bảng phụ lên bảng  - HS hoạt động cá nhân, 1 HS lên bảng chữa bài  - Hs hoạt động cá nhân và 1 HS lên bảng chữa bài | II. Luyện tập  Bài 48/sgk   |  |  | | --- | --- | | KL nước (x) | KL muối (y) | | 1000kg | 25kg | | 250g | ?g |   Gọi khối lượng muối cần tìm là a  Vì khối lượng nước và khối lượng muối là hai đại lượng tỉ lệ thuận    Khối lượng muối là 6,25g  Bài 49/sgk   |  |  | | --- | --- | | Khối lượng riêng (x) | Thể tích (y) | | Sắt: 7,8 | a | | Chì: 11,3 | b |   Gọi thể tích của sắt là a và thể tích chì là b  Vì thể tích và khối lượng riêng là hai đại lượng tỉ lệ nghịch nên  Vậy thể tích của thanh chì nhỏ hơn thanh sắt.  Bài tập thêm:  Gọi ba phần cần tìm là  a) Vì  tỉ lệ thuận với  ;  Áp dụng t/c dãy tỉ số bằng nhau tìm được:    b) Vì  tỉ lệ nghịc với  ;  Áp dụng t/c dãy tỉ số bằng nhau tìm được: |
| **D. Hoạt động vận dụng (5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Vận dụng đại lượng tỉ lệ thuận và tỉ lệ nghịch giải quyết các bài toán có yếu tố thực tế  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm | | |
| - Yêu cầu HS làm bài tập 50/sgk  Gợi ý: nhớ lại công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật.  Xác nhận mối quan hệ giũa các đại lượng  Có thể tính nhanh bằng cách quan sát và thay trực tiếp vào công thức tính thể tích để tìm ra sự thay đổi của chiều cao. | - HS hoạt động nhóm thảo luận trong 3 phút và 1 nhóm lên bảng chữa bài | Bài 50/sgk  Có  Trong đó: a chiều dài bể, b là chiều rộng bể và h là chiều cao bể.  Chiều dài bể và chiều rộng bể giảm đi  thì chiều cao của bể phải tăng gấp 4 lần để thể tích không đổi. |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Khuyến khích HS tìm tòi và phát hiện ra các tình huống, bài toán mới liên quan đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân | | |
| - Giao nhiệm vụ: Tìm các ứng dụng của đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ lệ nghịch trong cuộc sống. | - HS lắng nghe và thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ. | Bài tập về nhà:  - Xem lại các dạng toán đã học  - Làm bài tập 51 (sgk); 63; 65; 67 (sbt) |